

Số: 925 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-BCT ngày 02/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 53/TTr-SCT ngày 19/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quyết định và thủ tục hành chính sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

2. Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

3. Thủ tục hành chính có số thứ tự 04, 05, 07, 08 tại Mục I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

4. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01 tại Tiểu mục II; số thứ tự 01, 02 tại Tiểu mục X; số thứ tự 12, 13 tại Tiểu mục XIII; số thứ tự 02, 03, 04 tại Tiểu mục XV, Mục B, Phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

5. Thủ tục hành chính có số thứ tự 34, 35 tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

6. Thủ tục hành chính có số thứ tự 57 tại Tiểu mục XV, Mục A, Phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

7. Thủ tục hành chính có số thứ tự 04 đến 08, số thứ tự 16 đến 20 tại Mục I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

8. Thủ tục hành chính có số thứ tự 09 tại Mục III; số thứ tự 12 đến 18, 20 đến 26 tại Mục V; số thứ tự 48, 56 tại Mục X; số thứ tự 102, 103, 106 tại Mục XIII, Phần A Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

9. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01 đến 08 tại Mục I, Phần I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 02/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Điện, An toàn thực phẩm, Thương mại điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN**
(Kèm theo Quyết định số 925 /QĐ-UBND ngày 23/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (99 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 lĩnh vực, 12 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Hóa chất (10 TTHC)				
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 (1.014700)	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn;	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Luật Hoá chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
2	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 (1.014701)	03 ngày làm việc			
3	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 (1.014702)	05 ngày làm việc			
4	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 (1.014703)	03 ngày làm việc			
5	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm (1.014707)	05 ngày làm việc			
6	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm (1.014708)	03 ngày làm việc			
7	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm (1.014709)	05 ngày làm việc			

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
8	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 (1.013340)	05 ngày làm việc			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; - Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.
9	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 (1.013350)	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn 	
10	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 (1.013351)	02 ngày làm việc			
II	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (02 TTHC)				

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (1.012168)	05 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 77/2023/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA (1.012527)	05 ngày làm việc			- Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (08 lĩnh vực, 64 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thương mại quốc tế (16 TTHC)					
1	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- 07 ngày làm việc; - 13 ngày làm việc ¹	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</i>
2	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- 05 ngày làm việc; - 13 ngày làm việc ²			
3	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- 07 ngày làm việc; - 13 ngày làm việc ³			
4	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- 05 ngày làm việc; - 13 ngày làm việc ⁴			

¹ Trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành

² Trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành

³ Trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành

⁴ Trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
5	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)	10 ngày làm việc			
6	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc			
7	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn</p>	<p><i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</i></p>
8	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc			
9	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có	28 ngày làm việc			

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		vốn đầu tư nước ngoài				
10	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc			
11	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc			
12	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	58 ngày làm việc			
13	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc			
14	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành	58 ngày làm việc			
				<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn</p>	<p><i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</i></p>

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini				
15	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc			
16	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc			
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)					
17	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	07 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
18	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc			
19	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc			
20	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc			
21	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc			

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
22	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc			
III	Lĩnh vực Điện (08 TTHC)					
23	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc			
24	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc			
25	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc			
26	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc			
27	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	07 ngày làm việc			
28	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân	07 ngày làm việc			
				<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn</p>	<p><i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i></p>

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		dân cấp tỉnh				
29	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	07 ngày làm việc			
30	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	07 ngày làm việc			
IV	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (04 TTHC)					
31	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	20 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
32	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	20 ngày làm việc			

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
33	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	20 ngày làm việc			
34	1.001335	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	20 ngày làm việc			
V	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (13 TTHC)					
35	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- 15 ngày làm việc; - 40 ngày làm việc ⁵	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý</i>
36	2.002605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	08 ngày làm việc			

⁵ Trường hợp phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
37	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- 10 ngày làm việc ⁶ ; - 26 ngày làm việc ⁷	Thương tỉnh Lạng Sơn.	https://dichvucong.gov.vn	<i>của Bộ Công Thương</i>
38	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	08 ngày làm việc			
39	2.002608	Châm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không phát sinh khiếu nại, khiếu kiện; cơ quan cấp Giấy phép xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc.			
40	2.00033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Không quy định			
41	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không quy định	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính</i>

⁶ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP

⁷ Hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
42	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	qua qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	<i>phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
43	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	04 ngày làm việc			
44	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc			
45	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc			
46	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	05 ngày làm việc			
47	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	05 ngày làm việc			
VI	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (06 THC)					

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
48	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn</p>	<p><i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i></p>
49	1.000890	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu	05 ngày làm việc			
50	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15 ngày làm việc			
51	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	10 ngày làm việc			
52	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15 ngày làm việc			
53	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	02 ngày làm việc			
VII	Lĩnh vực Hóa chất					

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
54	1.014728	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc ⁸ ; - 16 ngày làm việc ⁹ ;	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn</p>	<p><i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i></p>
55	1.014732	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc ¹⁰ ; - 16 ngày làm việc ¹¹ ;			
56	1.014735	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc ¹² ; - 16 ngày làm việc ¹³ ;			
57	1.014734	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	03 ngày làm việc			
58	1.014733	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc ¹⁴ ; - 16 ngày làm việc ¹⁵ ;			
59	1.014721	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	12 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Thực hiện trả kết	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính</i>

⁸ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

⁹ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

¹⁰ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

¹¹ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

¹² Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

¹³ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

¹⁴ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính

¹⁵ Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
60	1.014720	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	12 ngày làm việc	Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn.	qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	<i>phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
61	1.014714	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	12 ngày làm việc			
62	1.014734	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	03 ngày làm việc			
63	1.014710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	12 ngày làm việc			
VIII Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)						
64	1.012427	Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	43 ngày làm việc			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (23 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC
1	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 03 Mục B, Phần I tại Danh mục kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
2	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá		
3	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
4	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá		
5	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
6	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Thủ tục hành chính có số thứ tự 44, 49, 50, 57, 59, 105, 107, 108 Mục B, Phần I tại Danh mục kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	
7	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
8	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)		
9	2.001264	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới		
10	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá		

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC
		đề kinh doanh hàng miễn thuế		
11	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Thủ tục hành chính có số thứ tự 82, 83, 84, 86, 88 Mục A, Phần I Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
12	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
13	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
14	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
15	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
16	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Thủ tục hành chính có số thứ tự 28, 33, 48, 50, 51, 57 tại Danh mục kèm theo Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn	
17	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá		
18	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh		
19	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất		
20	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt		
21	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng		

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC
22	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Thủ tục hành chính có số thứ tự 02, 04 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn	<i>Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</i>
23	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá		

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ CẤP XÃ (03 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC
1	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 03 Phần III tại Danh mục kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		
3	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		